

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS-ST.
Ngày: 18/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Huỳnh Văn Lơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C (thường gọi HC), sinh ngày 10/02/1956 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: ABC ngày cấp 10/08/2021

Địa chỉ: Số D, đường H, Khóm C, Phường N, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh O, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số N, đường T, phường M, thành phố Cần Thơ. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/5/2025.

- Bị đơn: Ông Lương P, sinh ngày 20/11/1981. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: DCA; số CMND TBG

Địa chỉ: Số B, đường L, Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/5/2025, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh O trình bày:

Giữa ông Huỳnh C và ông Lương P có mối quan hệ quen biết, là hàng xóm cùng địa phương. Năm 2021 khi ông P có nhu cầu vay mượn tiền thì ông P có đến tìm gặp ông C và trình bày cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân của ông. Sau khi trao đổi thì ông P yêu cầu ông C cho ông P vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Khi vay không thỏa thuận lãi suất. Khi ông C giao số tiền nêu trên cho ông P thì hai bên có lập “Giấy mượn tiền” ngày 24/02/2021 với nội dung ông Lương P có mượn của bác 2 Cẩn số tiền 800.000.000 đồng và ông P đã ký tên xác nhận dưới biên nhận này. Trong biên nhận có nhắc đến bác 2 C là ông Huỳnh C. Đầu năm 2025 ông C liên hệ ông P để yêu cầu ông P trả toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng mà ông P đã vay theo biên nhận lập ngày 24/02/2021. Tuy nhiên, ông P hứa hẹn và nhiều lần yêu cầu ông C cho ông P thêm thời gian để thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 08/5/2025 ông C có gửi thư yêu cầu ông P thực hiện việc trả số tiền là 800.000.000 đồng nêu trên cho ông C trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày 08/5/2025 đến hết ngày 10/5/2025 nhưng sau khi nhận được thư ông P không phản hồi. Cho đến hiện nay ông C vẫn chưa nhận được bất cứ khoản tiền thực hiện nghĩa vụ nào từ ông P.

Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/5/2025 nguyên đơn ông Huỳnh C yêu cầu buộc ông Lương P thực hiện nghĩa vụ trả cho ông C toàn bộ số gốc với số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) theo "Giấy mượn tiền" ngày 24/02/2021 và yêu cầu buộc ông P trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ phát sinh theo mức lãi suất pháp luật quy định là 0,83%/tháng. Thời hạn cuối cùng thực hiện nghĩa vụ được ông C ấn định theo như yêu cầu thực hiện nghĩa vụ mà ông C đã gửi cho ông P trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày 08/5/2025 đến hết ngày 10/5/2025. Yêu cầu buộc ông P trả cho ông C số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 11/5/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lập ngày 18/9/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu buộc ông Lương P thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh C toàn bộ số nợ gốc với số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) theo "Giấy mượn tiền" ngày 24/02/2021 và yêu cầu buộc ông P trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ phát sinh theo mức lãi suất pháp luật quy định là 0,83%/tháng kể từ ngày 11/5/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2025 là 28.109.000 đồng.

2/ Bị đơn ông Lương P đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có lời trình bày gửi đến Tòa án.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt đã chấp hành tốt nội

quy phiên tòa và quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh C, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh C. Buộc ông Lương P trả cho ông Huỳnh C số tiền nợ vay 800.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 11/5/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại các phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Huỳnh C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lương P địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền vay và lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông P.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu ông P trả số tiền vốn gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 11/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2025 với mức lãi suất 0.83%/tháng. Bị đơn không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn ông C có cung cấp cho Tòa án một tờ giấy tập học sinh tựa đề “Giấy mượn tiền” có nội dung “Tôi Lương P sn 1981 khóm T, phường A, thị xã N.ST nay Tôi có mượn của bác 2 C: Khóm C.pA.thị xã NN.ST số tiền 800.000.000 tám trăm triệu đồng, ngày mượn 24.02.2021. AL” người mượn: có chữ ký và ghi họ tên Lương P. Trong nội dung giấy mượn tiền nêu rõ ông P có mượn tiền của ông C là 800.000.000 đồng từ ngày 24.02.2021 AL nhưng không có nêu thời hạn trả, cũng không có lãi suất. Đến đầu năm 2025 ông C cho rằng đã nhiều lần yêu cầu ông P trả cho ông C số tiền hỏi mượn nhưng ông P hên lần hên lựa chưa trả, đến ngày 08/5/2025 ông C có gửi thư yêu cầu cho ông P yêu cầu ông P thời hạn 03 ngày từ ngày 08/5/2025 đến hết ngày 10/5/2025 phải trả cho ông C số tiền đã mượn 800.000.000 đồng nhưng đến nay ông P không trả tiền cho ông C là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có*

thỏa thuận khác”. Như vậy, ông C yêu cầu ông P trả lại số tiền vay 800.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về mức lãi suất: Ông C yêu cầu ông P trả lãi suất từ ngày 11/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2025 với mức lãi suất 0.83%/tháng, số tiền lãi yêu cầu 28.109.000 đồng. Nhận thấy, như nhận định tại mục [3.1] ông C cho ông P mượn tiền, không có lãi suất là hình thức hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất nên ông C đã gửi thư cho ông P thông báo cho ông P đến thời hạn hết ngày 10/5/2025 phải trả lại số tiền mượn của ông C là ông C đã thực hiện thông báo cho ông P một thời gian hợp lý để trả nợ. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định “*thời gian chậm trả đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý đến thời điểm xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo*”. Như vậy ông C yêu cầu ông P trả lãi chậm trả kể từ ngày 11/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/9/2025) theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất được tính như sau: $800.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 28.109.333 \text{ đồng}$. Người đại diện hợp của nguyên đơn yêu cầu ông P trả tiền lãi cho ông C là 28.109.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy ông P có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 28.109.000 đồng. Tổng cộng là 828.109.000 đồng. Từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông C không phải chịu án phí và nguyên đơn ông C thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét. Còn bị đơn ông P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 36.843.000 đồng (làm tròn).

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh C về việc bị đơn ông Lương P trả số tiền nợ vay.

2/ Buộc ông Lương P phải trả cho ông Huỳnh C số tiền còn nợ là 828.109.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu, một trăm lẻ chín nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 28.109.000 đồng.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh C không phải chịu án phí.

+ Bị đơn ông Lương P phải chịu án phí số tiền 36.843.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực X – C;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng